

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

- Gói thầu: Thi công xây dựng hạng mục “Nhà để xe đạp, xe máy, ô tô của cán bộ công nhân viên” theo thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt, chỉ dẫn kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

- Nội dung công việc thực hiện theo danh mục quy định tại Mẫu số 01A Bảng kê hạng mục công việc thuộc Chương IV – Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

2. Thời hạn hoàn thành: 30 ngày.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hạng mục công trình: 30 ngày.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu kỹ thuật được chỉ ra trong các bản vẽ thi công và các tiêu chuẩn quy phạm thi công và nghiệm thu hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

1.1. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát: Thực hiện theo các quy định sau:

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ hướng dẫn về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Và các văn bản hiện hành liên quan khác.

1.2. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:

- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.
TCVN 4319:2012 - Tiêu chuẩn Quốc gia về nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế.

- TCVN 9256:2012 - Tiêu chuẩn Quốc gia về lập hồ sơ kỹ thuật - từ vựng thuật ngữ liên quan đến bản vẽ kỹ thuật - Thuật ngữ chung và các loại bản vẽ. 2. Phần kết cấu:-

QCVN 02:2009/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- TCVN 2737:2023 - Tiêu chuẩn Quốc gia về tải trọng và tác động.

TCVN 9362:2012 - Tiêu chuẩn Quốc gia về thiết kế nền nhà và công trình.

- TCVN 5574:2018 - Tiêu chuẩn Quốc gia về thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.

- TCVN 5575:2012 - Tiêu chuẩn Quốc gia về kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
TCVN 9379:2012 - Tiêu chuẩn Quốc gia về kết cấu xây dựng và nền Nguyên tắc cơ bản về tính toán.

- TCVN 1651-1:2018 - Tiêu chuẩn Quốc gia về thép cốt bê tông - Phần 1: Thép thanh tròn trơn.

- TCVN 1651-2:2018 - Tiêu chuẩn Quốc gia về thép cốt bê tông - Phần 2: Thép thanh vằn.

3. Phần điện:

- QCVN 12:2014/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng.

-TCVN 4086:1985 - Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn điện trong xây dựng - Yêu cầu chung.

-TCVN 4756:1989 - Tiêu chuẩn Việt Nam về quy phạm nối đất võ nối không các thiết bị điện.

- TCVN 7447:2012 - Tiêu chuẩn Quốc gia về hệ thống lắp đặt điện hạ áp.

TCVN 9206:2012 - Tiêu chuẩn Quốc gia về đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

-TCVN 9207:2012 - Tiêu chuẩn Quốc gia về đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

4. Phân cấp, thoát nước:

-TCVN 4513:1988 - Tiêu chuẩn Việt Nam về cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

-TCVN 4474:1987 - Tiêu chuẩn Việt Nam về thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

-TCVN 7957:2008 - Tiêu chuẩn Việt Nam về thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.

-

TCXDVN 33:2006 - Tiêu chuẩn Việt Nam về cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

5. Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và các tài liệu kỹ thuật khác có liên quan..

Lưu ý: Trong mọi trường hợp nếu tiêu chuẩn kỹ thuật không tương ứng với nhau hoặc đã có tiêu chuẩn kỹ thuật mới thay thế, thì phiên bản mới nhất sẽ được áp dụng.

2. Các yêu cầu về vật tư, về kỹ thuật không thể hiện trong hồ sơ thiết kế được phê duyệt thì thực hiện theo các tiêu chuẩn hiện hành.

- Tất cả các loại vật tư, vật liệu đưa vào thi công và lắp đặt cho công trình phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Yêu cầu phải có chứng nhận nguồn gốc xuất xứ của các loại vật tư, vật liệu. Các thiết bị phục vụ thi công phải là các thiết bị tốt, có công suất phù hợp và được kiểm nghiệm theo định kỳ. Chung loại vật tư, vật liệu phải tuân thủ theo đúng hồ sơ thiết kế quy định và theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, được nghiệm thu và thử nghiệm theo quy định.

| STT | Tên vật liệu/ thiết bị | Yêu cầu kỹ thuật/tiêu chuẩn áp dụng |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Xi măng PCB40, PCB30 | Theo yêu cầu của thiết kế và tuân thủ các tiêu chuẩn: Xi măng Poóc lăng - Yêu cầu kỹ thuật TCVN 2682 : 2020; Sản xuất theo công nghệ lò quay, đảm bảo tiêu chuẩn |
| | | - TCVN 6260-2020 yêu cầu của hồ sơ thiết kế, TCVN 9202:2012, QCVN 16:2019/BXD - Nhận biết: có tính năng kỹ thuật tương đương xi măng Hoàng Thạch, Bim Sơn, Nghi Sơn |
| 2 | Thép các loại (tròn, gai, hình, hộp, ống, tấm..) | - Thép có tính năng kỹ thuật tương đương thép Việt Ý, Việt Úc, Việt Nhật (Cường độ thép đạt tiêu chuẩn TCVN 1651-2018, TCVN 5709- 2009 và các quy định trong hồ sơ thiết kế). |
| 3 | Cát, đá dăm các loại làm cốt liệu | - Đá xây dựng đảm bảo TCVN 10321:2014 và yêu cầu thiết kế. |

| STT | Tên vật liệu/ thiết bị | Yêu cầu kỹ thuật/tiêu chuẩn áp dụng |
|-----|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Mác của đá dăm sử dụng đổ bê tông > 1.5 lần mác bê tông (đối với bê tông mác <300) - Mác của đá dăm sử dụng đổ bê tông > 2 lần mác bê tông (đối với bê tông mác ≥ 300) - Cát bê tông, cát xây trát theo quy định tại TCVN 7570:2006 |
| 4 | Gạch đất sét nung | - Tuân thủ TCVN 1450:2009 về gạch rỗng đất sét nung; TCVN 1451:1998 về gạch đặc đất sét nung. |
| 5 | Nước cho thi công | - Nước trộn bê tông và vữa - yêu cầu kỹ thuật TCVN 4506:2012 |
| 6 | Bê tông thương phẩm | - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9340:2012 về Hỗn hợp bê tông trộn sẵn – Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu |
| 7 | Cáp điện, dây điện và phụ kiện | <ul style="list-style-type: none"> - Dây cáp, dây điện đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6610:2014 + Dây và cáp điện tham khảo Cadivi hoặc tương đương - Aptomat tham khảo Sino hoặc tương đương. - Năm sản xuất: Năm 2025 trở về sau. |
| 8 | Ống nhựa PVC, HDPE, u.PVC, PPR và phụ kiện | <ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo nhựa Tiền Phong hoặc tương đương. - Năm sản xuất: Không trước năm 2025. - Xuất xứ: Việt Nam |

*** Ghi chú:**

- Các vật liệu, vật tư, thiết bị công trình không liệt kê trong bảng trên thực hiện theo yêu cầu của bản vẽ thiết kế thi công và thuyết minh thiết kế.

- Tất cả hàng hóa và vật tư được sử dụng trong công trình đều mới 100%, chưa từng qua sử dụng, thuộc thế hệ mới nhất, đã đưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu trừ khi được quy định khác đi trong hợp đồng, được lắp đặt theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Trong E-HSDT, nhà thầu phải định rõ và đầy đủ tên, chủng loại, mã hiệu, hãng sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ/chứng nhận xuất xưởng (nếu có), thông số kỹ thuật của các vật liệu, vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình mà không được ghi “hoặc tương đương”.

- Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

- Thử nghiệm vật liệu và chứng chỉ thí nghiệm:

✓ Toàn bộ vật liệu xây dựng, vật liệu hoàn thiện, phụ kiện, thiết bị cung cấp cho công trình phải được thử nghiệm bằng chi phí của Nhà thầu.

✓ Giám sát kỹ thuật của Chủ đầu tư trong mọi thời gian hợp lý, có quyền tới công trường, tất cả các nhà xưởng và các vị trí nơi vật liệu hay thiết bị đang được sản xuất, chế tạo hoặc chuẩn bị cho công trình để kiểm tra công tác của nhà thầu và nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ giám sát thi công trong công tác trên.

✓ Toàn bộ vật liệu, thiết bị, bán thành phẩm sản xuất chưa được đưa vào công trình với biên bản nghiệm thu của giám sát kỹ thuật của Chủ đầu tư. Mọi vật liệu, thiết

bị, bán thành phẩm không được chấp thuận phải chuyển khỏi phạm vi công trường trong vòng 48 giờ đồng hồ.

✓ Những bất hợp lý trong thiết kế thi công có thể tổn hại tới công trình hoặc gây thiệt hại vật chất cho Chủ đầu tư, Nhà thầu với trách nhiệm của mình phải báo cáo giám sát kỹ thuật của Chủ đầu tư để thông báo cho tổ chức thiết kế có biện pháp xử lý.

✓ Mọi vật tư thay thế chất lượng tương đương phải có nguồn gốc, chứng chỉ của nhà sản xuất và được giám sát kỹ thuật của Chủ đầu tư cùng đơn vị thiết kế chấp thuận nghiệm thu và cho phép Nhà thầu mới được đưa vào công trình sử dụng.

✓ Nhà thầu phải chấp nhận tạm thời đình hoãn công tác thi công, không được đòi bồi hoàn thiệt hại theo yêu cầu của giám sát kỹ thuật của Chủ đầu tư trong một số trường hợp sau:

1) Do lý do an ninh và an toàn bảo vệ môi trường.

2) Do nguyên nhân thời tiết khí hậu.

3) Do những công tác thực hiện với những vật liệu không hội đủ tính chất kỹ thuật hoặc là việc thực hiện không phù hợp với những quy định kỹ thuật hay các quy định của điều kiện kỹ thuật cụ thể của hợp đồng (Buộc bên Nhà thầu làm lại dù công tác đã thực hiện đến mức độ nào và không được tính vào thời gian phát sinh, và chịu mọi chi phí về việc phá dỡ, sửa chữa).

3. Yêu cầu về trình tự thi công.

3.1. Công tác chuẩn bị:

Tất cả các gói thầu, trước khi triển khai thi công, Nhà thầu phải thực hiện các nội dung công việc sau đây:

a. Nhận bàn giao vị trí, tìm, tuyến công trình, cao trình, cao độ các hạng mục công trình ngoài hiện trường, đối chiếu với Hồ sơ thiết kế và có trách nhiệm bảo vệ các mốc cao độ trên.

b. Nhận bàn giao mặt bằng thi công, đường thi công, vị trí công trình phụ trợ, bãi đất thải (nếu có), mỏ đất nguồn điện, cấp thoát nước (nếu có)

c. Tổ chức thực hiện các yêu cầu, điều kiện vệ sinh, an toàn lao động, tiêu thoát nước, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, bảo vệ khu vực thi công.

+ Chuẩn bị lán trại, kho tàng, nhà xưởng, bãi tập kết vật liệu, xe máy....

3.2. Thi công công trình:

Nội dung gói thầu:

Quy mô và kết cấu các hạng mục công trình của gói thầu về cơ bản đã được nêu trong Mục I chi tiết cụ thể được thể hiện trong bản vẽ thiết kế đã được phê duyệt.

4. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ.

- Nhà thầu phải có biện pháp phòng chống cháy nổ trong thi công xây dựng từ khi khởi công đến khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng.

- Trên phạm vi nhà thầu hoạt động. Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cháy nổ bằng nguồn kinh phí của mình, không để xảy ra tình trạng mất an toàn về cháy nổ. Nhà thầu phải chịu mọi phí tổn và trách nhiệm pháp lý trước pháp luật, trước chủ đầu tư và nhà nước về việc cháy nổ trên phạm vi hoạt động của nhà thầu trong quá trình thi công công trình.

5. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;

- Nhà thầu phải lập biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trên phạm vi nhà thầu hoạt động.

- Nhà thầu phải chịu mọi phí tổn và trách nhiệm pháp lý trước pháp luật, trước chủ đầu tư và nhà nước về việc mất vệ sinh môi trường trên phạm vi hoạt động của nhà thầu trong quá trình thi công gói thầu này.

6. Yêu cầu về an toàn lao động.

- Nhà thầu phải thực hiện mọi biện pháp để đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công trên phạm vi nhà thầu hoạt động bằng nguồn kinh phí của mình. Nhà thầu phải chịu mọi phí tổn và trách nhiệm pháp lý trước nhà nước về việc để xảy ra tai nạn.

- Các biện pháp an toàn, nội quy về an toàn phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành, những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để đề phòng tai nạn.

- Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư và các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng.

- Nhà thầu xây dựng có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn phổ biến các quy định về an toàn lao động. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo an toàn lao động. Nghiêm cấm sử dụng người lao động chưa được đào tạo và chưa được hướng dẫn về an toàn lao động.

- Nhà thầu khi thi công phải có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường.

- Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi dưỡng những thiệt hại do nhà thầu không đảm bảo an toàn lao động gây ra.

7. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công

- Nhà thầu tự huy động và bố trí nhân lực, thiết bị phục vụ thi công hoàn thành công trình đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, kỹ nghệ thuật được duyệt.

- Nhà thầu chấp hành yêu cầu của chủ đầu tư về huy động thêm máy móc thiết bị thi công đầy nhanh tiến độ khi có nguy cơ chậm tiến độ hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền cần đẩy nhanh tiến độ để phục vụ mục tiêu quốc gia.

8. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục

- Trên cơ sở hồ sơ thiết kế BVTC được duyệt, nhà thầu phải cụ thể hóa đề xuất giải pháp tổ chức xây dựng (theo TCVN 4055: 2012 – Tổ chức thi công) và biện pháp kỹ thuật thi công, trình tự thi công (sơ đồ trình tự thi công) phù hợp với Hồ sơ thiết kế BVTC và theo các tiêu chuẩn hiện hành nêu trong Hồ sơ dự thầu để Bên mời thầu có căn cứ đánh giá giải pháp kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu, đồng thời thông qua Chủ đầu tư và kỹ sư TVGS làm căn cứ triển khai thi công và kiểm tra công việc thực hiện.

- Trước khi thi công một hạng mục công trình hay bộ phận công trình quan trọng, kỹ thuật phức tạp Nhà thầu phải lập thiết kế biện pháp thi công chi tiết trình TVGS chấp thuận thì mới được triển khai thi công và đó là căn cứ để thực hiện kiểm tra nghiệm thu. Trong đó cần kê rõ ràng số lượng, chất lượng về các loại máy móc thi công, trang thiết bị và dụng cụ kiểm tra, thí nghiệm nhân lực... đúng theo nội dung của Hồ sơ dự thầu.

9. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu.

- Nhà thầu phải tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Cụ thể như sau:

- Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất quy mô công trình xây dựng, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công xây dựng công trình trong việc quản lý chất lượng công trình.

- Bố trí nhân lực, cung cấp vật tư thiết bị thi công theo yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

- Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới

công trình.

- Lập và phê duyệt biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy móc, thiết bị và công trình, tiến độ thi công.

- Thực hiện các công tác kiểm tra, thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình theo tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế và yêu cầu của hợp đồng.

- Thi công xây dựng theo đúng hợp đồng xây dựng, thiết kế được duyệt, đảm bảo chất lượng công trình và an toàn thi công xây dựng.

- Sửa chữa sai sót, khiếm khuyết chất lượng đối với những công việc do mình thực hiện, chủ trì phối hợp với chủ đầu tư khắc phục hậu quả sự cố trong quá trình thi công xây dựng công trình, lập báo cáo sự cố và phối hợp với các bên liên quan trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố.

- Lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định;

- Lập bản vẽ hoàn công theo quy định;

- Báo cáo chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo yêu cầu của Chủ đầu tư

- Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác.

- Chuẩn bị tài liệu làm căn cứ thu theo quy định và lập phiếu yêu cầu chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu.

- Nhà thầu thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc do mình đảm nhận; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng; sử dụng vật liệu không đúng chủng loại; thi công không đảm bảo chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại.

IV. Các bản vẽ

- E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Các bản vẽ thi công đã được duyệt phát hành cùng với hồ sơ mời thầu:

| STT | Ký hiệu | Tên bản vẽ | Phiên bản/ngày phát hành |
|------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1 | TM-01 | Thuyết minh chung | |
| 2 | DV-01 | Mặt bằng Định vị | |
| 3 | KT-01 | Mặt bằng nhà xe 01, mặt bằng mái nhà xe 01 | |
| 4 | KT-02 | Mặt đứng trục 1-8, 8-1, Mặt đứng trục A-B, B-A | |
| 5 | KT-03 | mặt cắt A-A, Chi tiết lan can | |
| 6 | TM-01 | Thuyết minh chung | |
| 7 | DV-01 | Mặt bằng Định vị | |
| 8 | KT-01 | Mặt bằng nhà xe 02, mặt bằng mái nhà xe 02 Mặt đứng trục A-B, B-A, Chi tiết lan can | |
| 9 | KT-02 | Mặt đứng trục 1-5,5-1 | |
| 10 | KC-01 | MB Móng nhà xe 01, MBKC nhà xe 01 | |
| 11 | KC-02 | MB Móng nhà xe 02, MBKC nhà xe 02 | |
| 12 | KC-03 | Chi tiết móng, chi tiết khung K1 | |

| | | | |
|----|---------|---------------------------------------------|--|
| 13 | KC-04 | Chi tiết liên kết | |
| 14 | Đ-01 | Mặt bằng cấp điện nhà xe 01 | |
| 15 | Đ-02 | Mặt bằng cấp điện nhà xe 02 | |
| 16 | N-01 | mặt bằng thoát nước nhà xe 01 | |
| 17 | N-01 | mặt bằng thoát nước nhà xe 02 | |
| 18 | N-02 | Chi tiết hồ ga | |
| 19 | N-03 | Chi tiết thoát nước hồ ga | |
| 20 | N-02 | chi tiết thoát nước nhà xe 01 | |
| 21 | CCTV-01 | Mặt bằng hệ thống Camera giám sát nhà xe 01 | |
| 22 | CCTV-02 | Mặt bằng hệ thống Camera giám sát nhà xe 02 | |
| 23 | CCTV-03 | Sơ đồ nguyên lý hệ thống camera | |
| 24 | CCTV-04 | Bảng thống kê hệ thống camera | |

